

Bản án số: 33/2025/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2025

V/v “Công nhận di sản thừa kế là tài sản chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, về việc “Công nhận di sản thừa kế là tài sản chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; cùng địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là thôn K, phường P, tỉnh Ninh Bình); đều vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức K1, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ I, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là tổ I, phường H, Thành phố Hà Nội); vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Ngọc K, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đức K1: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà B, ngõ H, phố T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội (nay là số nhà B, ngõ H, phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là thôn K, phường P, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Đường L, phường P, tỉnh Ninh Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Q - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1972; địa chỉ: Số E, ngách A, phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là số E, ngách A, phố Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội); vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thu L, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm A, thôn K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là xóm A, thôn K, phường P, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thu H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là thôn N, xã T, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thu H2, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà G, dịch vụ B, khu đô thị X, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là số nhà G, dịch vụ B, khu đô thị X, phường H, Thành phố Hà Nội); vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Niên Q1, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà A, dịch vụ E, khu đô thị X, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là số nhà A, dịch vụ E, khu đô thị X, phường H, Thành phố Hà Nội); vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952 và anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Số C T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là số C T, phường N, tỉnh Ninh Bình); đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án như sau:

Cụ Nguyễn Văn S, sinh năm 1920 (chết năm 1981) và cụ Trần Thị T1, sinh năm 1924 (chết năm 1996) là hai vợ chồng và sinh được 05 người con chung gồm: Ông Nguyễn Hùng V, ông Nguyễn Ngọc K2 (chết năm 2010), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc K, ông Nguyễn Đức K1; hai cụ không có con nuôi, con riêng và khi chết không để lại di chúc. Bố mẹ cụ S, cụ T2 đều đã chết trước hai cụ.

Ông Nguyễn Ngọc K2 có vợ là bà Nguyễn Thị L1 và có 01 người con chung (anh Nguyễn Tuấn A); ông K2 không có con nuôi, con riêng.

Ông Nguyễn Hùng V có vợ là bà Nguyễn Thị Thu L2 (chết ngày 28/8/2006) và sinh được 05 người con chung gồm: Anh Nguyễn Hùng C, chị Nguyễn Thu L, chị Nguyễn Thu H1, chị Nguyễn Thu H2 và anh Nguyễn Niên Q1.

Di sản cụ S và cụ T1 để lại là thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² và tài sản trên đất có một căn nhà 3 gian cấp 4 lợp ngói khoảng 30m²; tại xóm B K, xã K, huyện K, Hà Nam (nay là Thôn K, phường P, tỉnh Ninh Bình). Hiện tại ông Nguyễn Hùng V đang tạm thời quản lý di sản của hai cụ để lại. Ngoài ra, không còn di sản nào khác. Khi chết hai cụ không để lại nghĩa vụ về tài sản (không nợ ai và cũng không ai nợ hai cụ).

Sau khi cụ S và cụ T1 chết, những người được hưởng thừa kế chưa họp gia đình và chưa phân chia di sản do hai cụ để lại; đến năm 2006, ông Nguyễn Hùng V tiến hành kê khai toàn bộ diện tích 226m² đất và ngày 25/10/2006, UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2.

Quan điểm của các đồng nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền đều xác định: Ngày 30/09/2023, các đồng nguyên đơn mới biết UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 là không đúng quy định. Nay nguyên đơn đề nghị Toà án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 cấp ngày 25/10/2006 do UBND huyện K cấp đứng tên ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị Thu L2 và công nhận thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) là di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn S và cụ bà Trần Thị T1 để lại cho các đồng thừa kế sở hữu chung chưa chia.

Quan điểm của bị đơn (ông Nguyễn Hùng V): Nguồn gốc thửa đất và ngôi nhà 3 gian, cấp 4 lợp ngói đang có tranh chấp là của cha ông để lại vẫn làm nơi thờ cúng tổ tiên. Trước năm 2006, do các anh em đi vắng nên ông V được chính quyền xã K gọi đến làm hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị Thu L2; đến nay ông V đang quản lý thửa đất cùng căn nhà 3 gian, cấp 4 đã cũ và hư hỏng. Toàn bộ di sản của các cụ để lại đều chưa sửa chữa, hay tôn tạo gì thêm.

Nay, các nguyên đơn muốn sử dụng thửa đất làm nơi thờ cúng các cụ, ông V không phản đối nhưng khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông V, bà L2 thì bị đơn không đồng ý, ông V chỉ đồng ý việc sử dụng thửa đất làm nhà thờ. Công sức trông nom phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ, ma chay thờ cúng các cụ ông V không yêu cầu toà xem xét và giải quyết. Do tuổi cao sức yếu, việc đi lại khó khăn nên xin vắng mặt tại Toà án các cấp có thẩm quyền về vấn đề giải quyết tranh chấp đối với nguyên đơn.

Ủy ban nhân dân xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) xác định: Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1988 xã K đang quản lý, thửa đất đang có tranh chấp thuộc thửa đất số 416, diện tích 153m² đất (thổ cư), chủ sử dụng tên Thương. Tại Sổ mục kê năm 1986 xã K đang quản lý, đất đang có tranh chấp thuộc thửa số 416, diện tích 153m² và thửa 405 diện tích 58m² đất thổ cư, chủ sử dụng ghi tên hộ bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn S. Năm 2000, đo đạc lại đất trong khu dân cư bằng máy, thuộc thửa số 43, tờ bản đồ DC16, diện tích 226m²; trong đó đất ONT (đất ở nông thôn) là 147m² và đất thổ canh 79m², chủ sử dụng đất ghi tên ông Nguyễn Văn S. Đến ngày 25/10/2006, hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 43, tờ bản đồ PL16, diện tích 226m² đất ONT. Các loại giấy tờ liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất

từ ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị T1 sang hộ ông Nguyễn Hùng V không có di chúc và bất cứ văn bản giấy tờ gì khác.

Quan điểm của các anh chị Nguyễn Niên Q1, Nguyễn Thu H2, Nguyễn Thu H1 đều xác định: Các anh chị là con đẻ của ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 nhưng đều không có liên quan gì đến việc tranh chấp tài sản trên và hoàn toàn đồng ý, không có bất cứ thắc mắc, kiến nghị gì với Tòa án trong vụ kiện và đều đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định. Riêng anh Nguyễn Hùng C không trình bày quan điểm giải quyết vụ án, nhưng đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và tin tưởng vào sự nghiêm minh của pháp luật, công tâm, liêm chính; xét xử đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/3/2025, Hội đồng định giá tài sản thành phố P đã xác định: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m², tại xóm B K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam có giá $1.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 226\text{m}^2 = 226.000.000$ đồng. Tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4 diện tích 38,4m²; tường rào xây gạch xi cao 1,8m, dài 92,65m²; sân lãng vữa xi măng 22,5m², trị giá 50.594.900 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 276.594.900 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện theo hướng: Không đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế mà công nhận thửa đất số 43, tờ bản đồ PL16, diện tích 226m² đất ở tại nông thôn và các tài sản trên đất tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) là di sản của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị T1 để lại chưa chia thừa kế. Đồng thời, đề nghị Tòa án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 do UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp cho hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² đất ở tại nông thôn.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án về cơ bản chấp hành đúng quy định pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận thửa đất số 43, tờ bản đồ PL16, diện tích 226m² đất ở tại nông thôn và các tài sản trên đất tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) là di sản của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị T1 để lại chưa chia thừa kế. Đồng thời, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 do UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp cho hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, do nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ nên không xem xét giải quyết; đối với án phí dân sự sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các

đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, những người vắng mặt tại phiên tòa đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đương sự có mặt tại phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” nhưng tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế mà đề nghị công nhận thừa đất số 43, tờ bản đồ PL16, diện tích 226m² đất ở tại nông thôn và các tài sản trên đất tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) là di sản chung của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị T1 để lại chưa chia thừa kế; yêu cầu khởi kiện khác giữ nguyên. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền của các đồng nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xác định yêu cầu khởi kiện của đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

[3.1] Đối với thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế, theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và điểm b mục 10 Nghị quyết số 02/1990/NQ-HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990; theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ PL16 của vợ chồng cụ S và cụ T1 thuộc giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991; vì vậy, khoảng thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/01/1999 không tính vào thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 1 mục IV của Thông tư liên tịch số 01/1999/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/01/1999 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Nghị quyết 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 20/8/1998; do đó, còn thời hiệu khởi kiện.

[3.2] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 25/10/2006 UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2; tuy nhiên, đến ngày 30/09/2023 các đồng nguyên đơn mới biết việc vợ chồng ông V được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã gửi đơn đề nghị giải quyết đến UBND xã K và ngày 12/01/2024 ông K, ông Khải và Bà H đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) giải quyết. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn thời hiệu.

[4] Về thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² (đất ở tại nông thôn) và ngôi nhà 03 gian cấp 4 tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2, có nguồn gốc của vợ chồng cụ Nguyễn Văn S, Trần Thị T1 (là bố mẹ đẻ của ông V). Căn cứ Điều 210, Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng chung hợp pháp của cụ S và cụ T1; đồng thời là di sản của các cụ để lại.

Việc ông Nguyễn Hùng V tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16 và UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/10/2006 cho hộ ông Phạm Hùng V1, bà Nguyễn Thị Thu L2 diện tích 226m² đất ở tại nông thôn của bố mẹ để lại mà chưa có sự đồng ý của các hàng thừa kế, cũng như chưa chia thừa kế hoặc di chúc hợp pháp là vi phạm Điều 50 và Điều 123 của Luật Đất đai 2003. Vì vậy, Hội đồng xét xử huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 do UBND huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) là phù hợp với Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn; công nhận thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² (đất ở tại nông thôn) và ngôi nhà 03 gian cấp 4 tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 là di sản hợp pháp của cụ Nguyễn Văn S, cụ Trần Thị T1 để lại chưa chia và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 do UBND huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình).

[5] Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết tổng cộng 5.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của đồng nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và nộp đủ. Nay, không yêu cầu các đương sự khác phải chịu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đương sự là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 165, 184, 185, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Các Điều 149, 155, 164, 166, 207, 210, 213, 216, 217, 218, 221, 235 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 50 và Điều 123 của Luật Đất đai năm 2003. Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 1 mục IV của Thông tư liên tịch số 01/1999/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/01/1999 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Nghị quyết 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 20/8/1998. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Đức K1 và bà Nguyễn Thị H về việc “Công nhận di sản thừa kế là tài sản chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

2. Công nhận thừa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² (đất ở tại nông thôn) và ngôi nhà 03 gian cấp 4 trên đất, tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 là di sản hợp pháp của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị T1 để lại chưa chia và thuộc quyền sử dụng chung hợp nhất của ông Nguyễn Hùng V, ông Nguyễn Ngọc K, ông Nguyễn Đức K1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Tuấn A.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 567616 ngày 25/10/2006 do UBND huyện K, tỉnh Hà Nam (cũ) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị Thu L2 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số PL16, diện tích 226m² tại xóm B K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKTTT&THA Toà án tỉnh;
- Các đương sự;
- Bộ phận HC-TP;
- Toà Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Đức Thuỷ